

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÒA BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Hiệp, bà Phạm Thị Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký viên

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Quang Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2024/HSST-TL ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thế T, sinh ngày 08/3/1982; Nơi sinh: Hòa Bình.

Nơi cư trú: **Tổ H, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn S** và bà **Bùi Thị L** (đều đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án:

- Ngày 29/7/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Hòa Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong ngày 15/11/2006)

- Ngày 09/2/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong ngày 17/05/2007)

- Ngày 23/04/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” (Chấp hành xong ngày 23/10/2009)

- Ngày 16/1/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Chấp hành xong ngày 26/8/2019)

- Ngày 10/2/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong ngày 26/9/2017)

- Ngày 07/1/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong ngày 08/01/2024).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/5/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản Xã hội chủ nghĩa”, 03 năm về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Tổng hợp hình phạt là 54 tháng theo bản án số 43/HSST.

- Ngày 30/5/2012 bị UBND tỉnh H áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi “Cố ý gây thương tích, hủy hoại tài sản theo Quyết định số 675.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 02/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ A, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1963 Địa chỉ: Tổ B, phường T, TP H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2002; Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

- Bà Tống Thị Hải A, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Tổng Khánh H1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế T là đối tượng vừa chấp hành xong án phạt tù, do không có công việc ổn định. Để có tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 26/01/2024 đến ngày 02/02/2024 **T** đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn **thành phố H**, cụ thể:

***Vụ thứ nhất:** Do có mối quan hệ quen biết từ trước với anh **Nguyễn Văn D** nên từ ngày 23/1/2024 đến ngày 26/01/2024, **T** đã đến và ở lại văn phòng Công ty của anh **D** tại **số nhà P - 12A khu đô thị Z thuộc tổ H phường H, thành phố H**. Anh **D1** từng vay tiền **T** nên **D1** hẹn từng ở lại văn phòng sẽ nói chuyện sau. Đến sáng ngày 26/1/2024, khi không có anh **D1** ở văn phòng, **Nguyễn Thế T** đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, lén lút lấy trộm 01 case máy tính; 01 màn hình máy tính; 01 máy in; 01 loa máy tính, sau đó cho tất cả vào túi nilon màu đen rồi mang đến cửa hàng máy tính **Toàn D2**, địa chỉ **tổ A, phường P, thành phố H** bán cho chị **Đinh Thị T1** (chủ cửa hàng) được 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Số tiền trên **T** đã chi tiêu hết vào mục đích cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 06/2/2024 kết luận: *“01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung màu đen, kích thước 27inch, mã sản phẩm S2R350FZE, kiểu sản phẩm S24R350FZ, tình trạng đã qua sử dụng có giá 2.300.000 đồng; 01 máy in nhãn hiệu Cannon LBP2900, màu trắng xám, tình trạng đã qua sử dụng có giá 1.000.000 đồng; 01 case máy tính nhãn hiệu Dell, màu đen, số loại D19M, ID: PPD – QCNFA335, IC: 4104 – QCNFA335, CPU I5 9400, RAM16GB, tình trạng đã qua sử dụng có giá 4.500.000 đồng; 01 loa máy tính nhãn hiệu F&D, màu đen, số loại A111. Tình trạng đã qua sử dụng có giá 200.000 đồng. Tổng cộng: 8.000.000đ (tám triệu đồng).”*

Ngày 02/2/2024, chị **Đinh Thị T1** đã tự nguyện giao nộp toàn bộ các tài sản nêu trên. Bị hại - anh **Nguyễn Văn D** đã có đơn xin lại tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh **D**.

***Vụ thứ hai:** Khoảng 00 giờ ngày 02/2/2024, **Nguyễn Thế T** đi từ nhà đến **quán ăn M1** thuộc **tổ H, phường P, thành phố H**, tại đây **T** có nói chuyện với bà **Tổng Thị Hải A** - là chủ cửa hàng, **T** quan sát thấy trước cửa quán có một chiếc xe máy điện, không có biển kiểm soát, nhãn hiệu Luxury đang sạc, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, **T** nảy sinh ý định trộm xe để bán lấy tiền chi tiêu. Đến 02 giờ 48 phút khi quan sát thấy không ai để ý, **T** đã lợi dụng sơ hở, lén lút đến mở khóa xe và điều khiển đi sang nhà bạn ở khu vực **D, thành phố H**. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày khi xe hết điện, **T** mang xe đến cửa hàng mua bán, sửa chữa xe đạp **Tuấn T3** thuộc **tổ A, phường P, thành phố H** bán cho ông **Ngô Văn T2** với giá 1.000.000 đồng. Khoảng 08 giờ cùng ngày ông **Nguyễn Ngọc M** (chồng bà **Tổng Thị Hải A**) đã đại diện gia đình bị hại đến **Công an phường P** trình báo về sự việc bị trộm cắp tài sản.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, **Nguyễn Thế T** đã đến **Công an phường P** xin đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp xe máy điện và giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng đã nhận từ ông **Ngô Văn T2**.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản kết luận: “01 xe máy điện nhãn hiệu luxury, màu sơn: trắng, số máy: A60V800W1260, số khung: RRWY8EKXHJSA00655, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng)”;

Ngày 02/2/2024, ông **Ngô Văn T2** đã tự nguyện giao nộp 01 xe máy điện nhãn hiệu Luxury, không biển kiểm soát. Ông **Nguyễn Ngọc M** (đại diện gia đình bên bị hại) đã có đơn xin lại tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông **M**.

Cáo trạng số 62/CT-VKS-TP ngày 26/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình Sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố **Nguyễn Thế T** phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế T** từ 36 đến 42 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại **Nguyễn Văn D** và ông **Nguyễn Ngọc M** đã nhận lại tài sản trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị **Đinh Thị T1** không yêu cầu **Nguyễn Thế T** phải bồi thường số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng); Ông **Ngô Văn T2** yêu cầu **Nguyễn Thế T** phải trả lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Các tài sản bị cáo trộm cắp đã được người liên quan tự nguyện bàn giao và trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do bị cáo tự nguyện giao nộp nên đề nghị trả lại cho người liên quan ông **Ngô Văn T2**.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi mà bị cáo đã thực hiện: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào các ngày 26/1 và 02/2 năm 2024 đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 case máy tính nhãn hiệu Dell; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung; 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900; 01 loa máy tính nhãn hiệu F&D của anh **Nguyễn Văn D**; 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu luxury, màu sơn trắng xám của ông **Nguyễn Ngọc M**. Các tài sản trên sau khi trộm cắp **T** đã bán cho chị **Đinh Thị T1** và ông **Ngô Văn T2** thu được tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người liên quan, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng).

Mặc dù tổng giá trị tài sản **Nguyễn Thế T** trộm cắp dưới 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng), tuy nhiên trước đó bị cáo đã 06 lần phạm tội chưa được xóa án tích. Xét thấy bị cáo đã có từ hai lần phạm tội liên tiếp và chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội mới, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, đã cố ý lén lút thực hiện tội phạm. Bị cáo mặc dù đã có tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học, vẫn cố ý thực hiện. Nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu, cụ thể: Năm 1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình tuyên phạt 54 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản; Năm 2012 bị **UBND tỉnh H** áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi Cố ý gây thương tích, hủy hoại tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện đầu thú; Các tình tiết giảm nhẹ trên quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị **Đinh Thị T1** là chủ **cửa hàng M2** hiện và ông **Ngô Văn T2** là chủ của hàng mua bán, sửa chữa xe đạp **Tuấn T3** là những người đã mua lại tài sản trộm cắp từ bị cáo, quá trình điều tra xác định chị **T1**, ông **T2** đều không biết đây là những tài sản do **Nguyễn Thế T** trộm cắp, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ các tài sản bị cáo trộm cắp đã được Cơ quan điều tra trao trả lại cho các bị hại là ông **Nguyễn Văn D** và ông **Nguyễn Ngọc M**. Các bị hại đến nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị **Đinh Thị T1** là chủ **cửa hàng M2** hiện không yêu cầu **Nguyễn Thế T** phải bồi hoàn số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về vật chứng:

Đối với 01 case máy tính nhãn hiệu Dell, 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung, 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP2900, 01 (một loa máy tính nhãn hiệu F&D là tài sản hợp pháp của ông **Nguyễn Văn D** và đối với 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu luxury, màu sơn trắng xám của ông **Nguyễn Minh N** đã được trao trả cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo **T** đã giao nộp tại Cơ quan điều tra, xét là tiền của người liên quan – ông **Ngô Văn T2** đưa cho **T** để mua tài sản, hiện ông **T2** có đề nghị được trả lại số tiền trên do khi mua tài sản ông không biết đó là tài sản bị cáo trộm cắp, nên cần trả lại số tiền trên cho ông **T2**.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Thế T**.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thế T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: **Nguyễn Thế T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên

Trả lại cho ông **Ngô Văn T2** số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 100/BB/24 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoà Bình)

3. Án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Thế T** phải chịu 200.000Đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND TP HB;
- Công an TP HB;
- Thị hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TP HB;
- Bị cáo, bị hại, NLQ.
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Đỗ Thị Quỳnh Anh

